

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1339/TTr-
SCT ngày 24 tháng 8 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương. Chi tiết, có Phụ lục đính kèm 136 thủ tục hành chính (gồm: 123 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, 13 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công Thương có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp nội dung thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, tổ chức tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, cập nhật nội dung thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trong phần mềm Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. Hoàn thành trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, NC-KSTTHC (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước		
1		Đăng ký giá sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương (Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)
2		Kê khai giá đối với sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	
3	2.000674	Cấp Giấy xác nhận (GXN) đủ điều kiện (ĐĐK) làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
4	2.000666	Cấp bổ sung, sửa đổi GXNĐĐK làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
5	2.000664	Cấp lại GXNĐĐK làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
6	2.000673	Cấp GXNĐĐK làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
7	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung GXNĐĐK làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
8	2.000672	Cấp lại GXNĐĐK làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
9	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận (GCN) cửa hàng ĐĐK bán lẻ xăng dầu	
10	2.000645	Cấp bổ sung, sửa đổi GCN cửa hàng ĐĐK bán lẻ xăng dầu	
11	2.000647	Cấp lại GCN cửa hàng ĐĐK bán lẻ xăng dầu	
			Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi,

			chức năng quản lý của Sở Công Thương Hải Dương
12		Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
13		Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	
14	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu	Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương (Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh).
15	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn rượu	
16	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu	
17	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
18	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
19	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
20	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
21	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
22	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
23	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
24	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
25	2.000640	Cấp lại GCN ĐDK đầu tư trồng cây thuốc lá	
26	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
27	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	

28	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
II Lĩnh vực xúc tiến thương mại			
1	2.000004	Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Công Thương tỉnh Hải Dương
2	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
3	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	
4	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	
5	2.000131	Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	
6	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm TM	
III Lĩnh vực quản lý cạnh tranh			
1	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Hải Dương
2	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
3	2.000619	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
4	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	
IV Lĩnh vực thương mại quốc tế			
1	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hải Dương	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước	

		ngoài tại Hải Dương	
3	2.000347	Cấp điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hải Dương	
4	2.000327	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hải Dương	
5	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương Hải Dương
6	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	
7	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	
8	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	
9	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
10	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
11	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	
12	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	

13	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
14	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
15	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	
16	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	
17	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	
18	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
19	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
20	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	
V	Lĩnh vực công nghiệp		
1		Thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn thuộc nhóm B,C	
2		Xác nhận ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm CN hỗ trợ ưu tiên phát triển	
VI	Lĩnh vực kinh doanh khí		

1	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
3	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
4	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công thương tỉnh Hải Dương
5	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
6	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
7	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
8	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
9	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
10	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
11	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
12	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
13	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
14	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	

15	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
16	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
17	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
18	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
19	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
20	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
21	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
22	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
23	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
24	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
VII	Lĩnh vực điện		
1	2.001561	Cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện	
2	2.001632	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện	
3	2.001617	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô	

		dưới 03MW	hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Hải Dương
4	2.001549	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW	
5	2.001535	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV	
6	2.001266	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV	
7	2.001249	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV	
8	2.001724	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV	
9		Cấp thẻ an toàn điện	
10	2.000643	Cấp lại thẻ an toàn điện	
11	2.000638	Cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
12	2.000543	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực	
13	2.000526	Cấp lại thẻ KTV điện lực trong trường hợp bị mất hoặc hỏng	
14		Thẩm định BC KTKT các công trình về điện	
15		Thẩm định TK cơ sở các công trình về điện	
16		Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán các công trình điện	
VIII	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ		
1	2.000229	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục
2	2.000210	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	

3	2.000221	Cấp GCN huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Công thương tỉnh Hải Dương
4	2.000172	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	
5	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
6	2.001433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
7	1.003401	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
IX	Lĩnh vực hóa chất		
1	2.001547	Cấp GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Quyết định số 1359/QĐ- UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.001175	Cấp lại GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
3	2.001172	Cấp điều chỉnh GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
4	1.002758	Cấp GCN ĐDK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
5	2.001161	Cấp lại GCN ĐDK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
6	2.000652	Cấp điều chỉnh GCN ĐDK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
X	Lĩnh vực an toàn thực phẩm		
1	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Quyết định số 1359/QĐ- UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	

XI	Lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng		
1		Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng chợ	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
2		Thành lập cụm công nghiệp	
3		Mở rộng cụm công nghiệp	
4		Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp	
XII	Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		
1	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu/điều kiện giao dịch chung	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
XIII	Lĩnh vực công nghiệp địa phương		
1	2.000331	Cấp GCN sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
2		Thẩm định Phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nghề thủ công nghiệp tỉnh Hải Dương	
XIV	Lĩnh vực sản phẩm hàng hóa nhóm 2		
1		Cấp Giấy xác nhận công bố hợp quy sản phẩm hàng hóa nhóm 2	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước		
1	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Quyết định số 1359/QĐ-

2	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	
4	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
5	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
6	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
7	2.000633	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
8	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
9	1.001279	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
II	Lĩnh vực công nghiệp địa phương		
1	2.002096	Cấp GCN sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
III	Lĩnh vực kinh doanh khí		
1	2.001283	Cấp GCN đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ chai LPG	Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công thương tỉnh Hải Dương
2	2.001270	Cấp lại GCN đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ chai LPG	
3	2.001261	Cấp điều chỉnh GCN đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ chai LPG	